

QUY ĐỊNH

Về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hà Nam
(Kèm theo Quyết định số 71/2024/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi tiết về việc thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hà Nam, bao gồm: Nguyên tắc thi đua, khen thưởng; nguyên tắc xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; hình thức tổ chức thi đua, nội dung tổ chức phong trào thi đua; danh hiệu thi đua và tiêu chuẩn danh hiệu thi đua; hình thức khen thưởng và tiêu chuẩn khen thưởng; mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cá nhân, tập thể; Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh; thẩm quyền quyết định khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với công dân trong tỉnh, ngoài tỉnh, các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, hộ gia đình; cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế ở Việt Nam có thành tích đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của tỉnh Hà Nam; cụm thi đua, khối thi đua.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

Nguyên tắc thi đua, khen thưởng được thực hiện theo quy định tại Điều 5 của Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 4. Nguyên tắc xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

Nguyên tắc xét danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng được thực hiện theo quy định tại Điều 4 của Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng (sau đây viết tắt là Nghị định số 98/2023/NĐ-CP).

Chương II HÌNH THỨC TỔ CHỨC THI ĐUA, NỘI DUNG TỔ CHỨC PHONG TRÀO THI ĐUA

Điều 5. Hình thức tổ chức thi đua

Hình thức tổ chức thi đua được quy định tại khoản 1 Điều 16 của Luật Thi đua, khen thưởng và Điều 2 của Thông tư số 01/2024/TT-BNV ngày 24/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng (sau đây viết tắt là Thông tư số 01/2024/TT-BNV).

Điều 6. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

Nội dung tổ chức phong trào thi đua được quy định tại Điều 17 của Luật Thi đua, khen thưởng và Điều 3 của Thông tư số 01/2024/TT-BNV.

Chương III

DANH HIỆU THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 7. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân

Danh hiệu thi đua đối với cá nhân được quy định tại Điều 19 của Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 8. Danh hiệu thi đua đối với tập thể, hộ gia đình

Danh hiệu thi đua đối với tập thể, hộ gia đình được quy định tại Điều 20 của Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 9. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng hằng năm cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 24 của Luật Thi đua, khen thưởng và đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị;
- b) Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ;
- c) Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

2. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng hằng năm cho công nhân, nông dân, người lao động đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 3 Điều 24 của Luật Thi đua, khen thưởng và đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Đối với công nhân: Có sáng kiến, giải pháp mang lại lợi ích cho đơn vị hoặc có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề;
- b) Đối với nông dân: Có mô hình sản xuất hiệu quả, ổn định hoặc giúp đỡ hộ nông dân khác phát triển kinh tế, tạo việc làm cho người lao động.

3. Việc bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến” trong một số trường hợp cụ thể được thực hiện theo khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 01/2024/TT-BNV.

Điều 10. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” để tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 23 của Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng cho cá nhân hằng năm.

Điều 11. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua tỉnh Hà Nam”

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua tỉnh Hà Nam” để tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 22 của Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 12. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

1. Đối tượng xét tặng:

a) Đối với cấp tỉnh gồm: Phòng, ban và tương đương thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương;

b) Đối với cấp huyện gồm: Phòng, ban và tương đương; các đơn vị trực thuộc cấp huyện, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;

c) Đối với đơn vị sự nghiệp gồm: Trường học, bệnh viện và tương đương; các đơn vị trực thuộc như khoa, phòng, ban và tương đương (trừ các tổ thuộc cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên và cơ sở giáo dục mầm non); trạm y tế xã, phường, thị trấn;

d) Đối với các đơn vị sản xuất, kinh doanh gồm: Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác, hợp tác xã và các đơn vị thuộc và trực thuộc.

2. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng hằng năm cho các tập thể đạt tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 13. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

1. Đối tượng xét tặng:

a) Đối với cấp tỉnh gồm: Phòng, ban và tương đương thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương;

b) Đối với cấp huyện gồm: Phòng, ban và tương đương; các đơn vị trực thuộc cấp huyện, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;

c) Đối với đơn vị sự nghiệp gồm: Trường học, bệnh viện và tương đương; các đơn vị trực thuộc như khoa, phòng, ban và tương đương (trừ các tổ thuộc cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên và cơ sở giáo dục mầm non); trạm y tế xã, phường, thị trấn;

d) Đối với các đơn vị sản xuất, kinh doanh gồm: Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác, hợp tác xã và các đơn vị thuộc và trực thuộc.

2. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng hằng năm cho tập thể tiêu biểu xuất sắc được lựa chọn trong số những tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 14. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”

1. Đối tượng xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”:

- a) Tập thể thuộc cụm thi đua, khối thi đua do tỉnh tổ chức;
- b) Tập thể tham gia các phong trào thi đua theo chuyên đề do tỉnh phát động.

2. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” để tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 26 của Luật Thi đua, khen thưởng.

3. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” để tặng cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua theo chuyên đề do tỉnh phát động có thời gian thực hiện từ 03 năm trở lên khi tổng kết phong trào và đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nội bộ đoàn kết; tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống, tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn xã hội khác;

b) Có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong số các tập thể thực hiện chuyên đề đạt chất lượng, hiệu quả cao, đóng góp thiết thực vào hoàn thành nhiệm vụ công tác của cơ quan, đơn vị, địa phương.

Chương IV

HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 15. Giấy khen

1. Giấy khen để xét tặng hoặc truy tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích được bình xét trong các phong trào thi đua;

b) Lập được thành tích đột xuất;

c) Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo của cơ quan, đơn vị, địa phương;

d) Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết, gương mẫu chấp hành nội quy, quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị; thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Giấy khen để xét tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Lập được thành tích đột xuất;

c) Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo của cơ quan, đơn vị, địa phương;

d) Đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với các thành viên trong tập thể; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Giấy khen để tặng cho hộ gia đình

Giấy khen để tặng cho hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có đóng góp về công sức, đất đai, tài sản cho địa phương, xã hội hoặc có đóng góp vào sự phát triển của địa phương;

b) Có thành tích trong các phong trào thi đua.

Điều 16. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Tiêu chuẩn xét tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 74 của Luật Thi đua, khen thưởng và được quy định chi tiết như sau:

1. Đối với công nhân: Có sáng kiến, giải pháp trong lao động, sản xuất mang lại lợi ích cho đơn vị, doanh nghiệp, được người đứng đầu đơn vị, doanh nghiệp công nhận hoặc được Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tặng Bằng Lao động sáng tạo; có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề; được đơn vị, doanh nghiệp và tổ chức công đoàn cơ sở công nhận;

2. Đối với nông dân: Có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 02 năm trở lên, giúp đỡ hộ nông dân khác xóa đói giảm nghèo và tạo việc làm ổn định cho 05 lao động trở lên;

3. Tập thể thuộc cụm, khối thi đua của tỉnh: Tích cực tham gia phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả; thực hiện nghiêm các quy định, quy chế của cụm, khối thi đua; cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức đảng, đoàn thể (nếu có) được cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; được các thành viên trong cụm, khối thi đua bình xét, đề nghị;

4. Khen thưởng đột xuất:

a) Tập thể, cá nhân mưu trí, dũng cảm trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu nhằm bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội;

b) Tập thể, cá nhân có hành động, nghĩa cử cao đẹp, dũng cảm cứu người, bảo vệ tài sản của Nhà nước, của Nhân dân; gương người tốt, việc tốt có phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn tỉnh;

c) Tập thể, cá nhân lập nhiều thành tích trong phòng, chống thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, tìm kiếm cứu nạn;

d) Tập thể, cá nhân có mô hình mới, cách làm hay, sáng tạo, đổi mới, đột phá, dám nghĩ, dám làm trong xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội không thuộc

nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình được giao;

đ) Tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc tổ cáo hành vi tham nhũng, tiêu cực, có phạm vi ảnh hưởng và tác dụng nêu gương trong tỉnh;

e) Tập thể, cá nhân có đóng góp vào thành tích đạt giải đặc biệt, nhất, nhì, ba (hoặc tương đương) trong các cuộc thi, kỳ thi, hội thi, hội diễn, giải thưởng cấp quốc gia, khu vực và quốc tế;

g) Tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị đột xuất do Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh giao;

5. Khen thưởng phong trào, chuyên đề:

a) Tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào, chuyên đề thi đua do Thủ tướng Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh phát động. Đối với phong trào thi đua do cơ quan, đơn vị, địa phương phát động, khi tổng kết lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong thực hiện phong trào thi đua để đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét, tặng Bằng khen (nếu có);

b) Tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp cho quá trình xây dựng và phát triển của các cơ quan, đơn vị, địa phương, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh của tỉnh;

c) Tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân tỉnh, nhiệm kỳ của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội nghề nghiệp cấp tỉnh;

d) Tập thể, cá nhân có nhiều thành tích trong tổ chức các sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội do Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức;

đ) Tập thể, cá nhân có nhiều thành tích, đóng góp trong các hoạt động tổ chức, tuyên truyền nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ, kỷ niệm lớn của đất nước, của tỉnh thực hiện theo chỉ đạo, hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương và của tỉnh;

e) Tập thể, cá nhân có nhiều thành tích trong tổ chức triển khai thực hiện Luật, Pháp lệnh, Nghị quyết, Chỉ thị, Nghị định, Chương trình, Đề án của Trung ương, Nghị quyết, Chỉ thị, Chương trình, Đề án của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh;

g) Tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến: trên cơ sở kế hoạch tuyên truyền và nhân rộng điển hình tiên tiến của Ủy ban nhân dân tỉnh, các đơn vị phát hiện, lựa chọn, giới thiệu các điển hình tiên tiến để đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét, tặng Bằng khen (nếu có);

6. Khen thưởng đối ngoại: Tập thể, cá nhân người Việt Nam định cư ở nước ngoài; tập thể, cá nhân người nước ngoài có nhiều thành tích và công lao đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của tỉnh;

7. Khen thưởng cho các tổ chức, cá nhân thuộc các tổ chức tôn giáo trên địa

bàn tỉnh có nhiều thành tích trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Hà Nam;

8. Khen thưởng cho tập thể, cá nhân, hộ gia đình có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản; có nhiều đóng góp trong các hoạt động xã hội, nhân đạo từ thiện trên địa bàn tỉnh.

Chương V

MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ CỦA CÁC CÁ NHÂN, TẬP THỂ; HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG TỈNH

Điều 17. Việc công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân, tập thể

1. Việc công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với cá nhân thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 45 của Nghị định số 98/2023/NĐ-CP.

2. Việc công nhận mức độ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đối với tập thể được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 45 của Nghị định số 98/2023/NĐ-CP.

Điều 18. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 49 của Nghị định số 98/2023/NĐ-CP.

Chương VI

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH KHEN THƯỞNG

Điều 19. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được quy định tại khoản 4 Điều 79 của Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 20. Thẩm quyền của Thủ trưởng, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác

Thẩm quyền của Thủ trưởng, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác được quy định tại Điều 80 của Luật Thi đua, khen thưởng.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh, các đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp có liên quan tổ chức quán triệt và triển khai thực

hiện Luật Thi đua, khen thưởng, các văn bản hướng dẫn thi hành của Trung ương và Quy định này đảm bảo tính chặt chẽ, thống nhất; hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị trong phạm vi quản lý việc triển khai thực hiện công tác thi đua, khen thưởng bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

Điều 22. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Sở Nội vụ có trách nhiệm tham mưu, đề xuất và triển khai thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh đảm bảo đúng các quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng và Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, đơn vị gửi văn bản về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp./.